

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày: 24 - 5 - 2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Nghiêm
2. Ông Nguyễn Hoàng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “*hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà H, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: khóm Q, thị trấn T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).
2. *Bị đơn:* Bà U, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn bà H trình bày:

Bà và bà T là chỗ quen biết với nhau, thường xuyên qua lại nên vào ngày 24/9/2012 (âm lịch) bà T có dẫn bà U đến gặp bà để vay số vàng 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24K. Vì là chỗ quen biết với bà T nên bà đồng ý cho bà U vay 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24K. Khi bà giao vàng cho bà U, có bà T chứng kiến và có làm “Giấy hỏi vàng”.

Ngày 19/9/2013 (âm lịch) bà U có làm “Tờ giữ giấy quyền sử dụng đất” giao cho bà giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 436, tờ bản đồ số 6, diện tích 552,6m², đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh

Long do bà U đứng tên. Kể từ ngày 19/9/2013(âm lịch) đến nay bà U không nói gì đến việc vay mượn vàng của bà; đã nhiều lần bà đến gặp bà U nhưng bà U cứ hẹn mà không chịu trả số vàng trên cho bà.

Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xem xét giải quyết buộc bà U có trách nhiệm trả số vàng 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi; bà đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà U. Ngoài ra, bà không yêu cầu nào khác.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H buộc bà U có trách nhiệm trả bà H 35 chỉ vàng 24K. Bà H có nghĩa vụ giao trả lại bà U 01 giấy chứng nhận QSD đất thửa 436, tờ bản đồ số 6, diện tích 552,6m² cấp ngày 25/6/2006 do bà U đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

Về án phí: buộc bà U nộp 9.047.500 đồng (giá vàng 5.170.000 đồng/chỉ vàng 24K), hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phí 4.900.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà H khởi kiện yêu cầu bà U trả số vàng cho mượn nên đây là tranh chấp giao dịch dân sự. Bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong “Giấy hỏi vàng” ngày 24/9/2012 bà U có địa chỉ là ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 11/3/2021, ông S là Trưởng ấp H xác định bà U có hộ khẩu thường trú ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long bỏ địa phương đi vào khoảng tháng 7/2018 đến nay. Như vậy người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch.

Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định người bị kiện thay đổi nơi cư

trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Như vậy, trong trường hợp này bà U được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn bà U tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Bà U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U có trách nhiệm trả số vàng 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi.

Việc mượn vàng giữa bà H với bà U là có thật căn cứ vào “Giấy hỏi vàng” ngày 24/9/2012 có nội dung “ Chúng tôi gồm: Bên A: Tôi tên H sinh năm 1971, ngụ tại: ấp H, xã Q, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. CMND 331779503. Bên B: Người hỏi vàng: U, sinh năm 1972 ngụ tại: ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. CMND 331026297. Vào ngày, 24 tháng 9 năm 2012 tôi H có cho chị U hỏi 35 chỉ vàng 24K. Lãi suất mỗi tháng chị U phải đóng tiền lãi là 6.500.000 đồng. Thời hạn là một năm chị U phải trả số vàng nói trên, nếu sai lời chị U phải hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật. Giấy này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm bằng. Q, ngày 24 tháng 9 năm 2012. Bên A: (ký tên) H. Bên B: (ký tên) U. Người làm chứng (đã ký) T” và căn cứ vào lời khai của bà T tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2021: bà là hàng xóm với bà U và là chỗ quen biết với bà H, vào năm 2012 bà có dẫn bà U đến gặp bà H để bà U vay 35 chỉ vàng 24K, hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng bà không biết là bao nhiêu, bà có ký tên người làm chứng trong “Giấy hỏi vàng ngày 24/9/2012” , bà có chứng kiến việc giao nhận vàng giữa hai bên, sau đó bà U có trả vốn hay lãi gì hay không thì bà không biết, bà cam đoan lời khai của bà là đúng sự thật, bà xin vắng mặt tại Tòa.

Từ căn cứ trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà U có trách nhiệm trả bà H số vàng 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24K.

Bà H xác định bà đang giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 436, tờ bản đồ số 6, diện tích 552,6m², đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long do bà U đứng tên. Việc bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà U là chưa đúng theo quy định của pháp luật; do đó bà H có nghĩa vụ trả bà U 01 giấy chứng nhận QSD đất thửa 436 do bà U đứng tên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà U phải chịu 9.047.500 đồng (*Chín triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) (cách tính: 5% x (35 chỉ vàng 24K x 5.170.000 đồng/chỉ)).

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 4.900.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011622 ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

Buộc bà U có trách nhiệm trả bà H 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24K (99,99% Au).

Bà H có nghĩa vụ trả bà U một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 436, tờ bản đồ số 6, diện tích 552,6m², đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 25/9/2006 do bà U đứng tên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà U phải chịu 9.047.500 đồng (*Chín triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) (cách tính: 5% x (35 chỉ vàng 24K x 5.170.000 đồng/chỉ)).

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 4.900.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011622 ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

